

**TÒA ÁN NHÂN D
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2021/HNGĐ-ST

Ngày 17/6/2021.

Về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN D HUYỆN BẢO LÂM**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Linh**.

Các Hội thẩm nhân D: 1. Bà: **Phan Thị Hà** .

2. Bà: **Lê Thị Sáu** .

Thư ký phiên tòa: Bà **Ka Hít**– Thư ký Tòa án nhân D huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà**-Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân D huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 39/2021/TLST-HNGĐ ngày 05/3/2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2021; quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27/5/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn 10B, xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Có đơn đề nghị vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Ngọc D, sinh năm 1981; HKTT: xã Thụy Minh huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; địa chỉ: Thôn 10B, xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện ngày 21/5/2020, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D có tìm hiểu yêu nhau được 06 tháng thì ký kết hôn tại UBND xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 25/12/2009. Hôn nhân là tự nguyện được gia đình hai bên đồng ý và có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Quá trình chung sống với nhau hạnh phúc được 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D thường chơi bài bạc, ăn nhậu, không lo cho gia đình và đánh vợ; vợ chồng đã nhiều lần hòa giải với nhau nhưng không được và đã sống ly thân từ tháng 5/2014 cho đến nay, không ai quan tâm gì đến ai, tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu giải quyết ly hôn với anh D.

- Về con chung: Chị T trình bày vợ chồng có 02 con chung gồm cháu Phạm Lê Thảo M, sinh ngày 28/3/2014 và cháu Phạm Tiến Trường H, sinh ngày 09/10/2020. Cháu H hiện đang sinh sống với anh D nên chị T đồng ý để anh D tiếp tục nuôi dưỡng, cháu M hiện đang sinh sống với chị T nên chị có nguyện vọng tiếp tục được nuôi con, không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án anh D thừa nhận trình bày của chị T về quá trình tìm hiểu, kết hôn là đúng. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là do chị T không làm tròn trách nhiệm người mẹ, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đã sống ly thân từ 5/2014 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên anh D cũng đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung anh D thừa nhận đúng như chị T trình bày và đồng ý tiếp tục nuôi cháu M, giao cháu H cho chị T nuôi dưỡng, không ai pH cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung như chị T trình bày, anh D không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng D sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị T và anh D được ly hôn với nhau; giao cháu M cho anh D nuôi dưỡng, giao cháu H cho chị T nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, không ai pH cấp dưỡng nuôi con và buộc chị T pH nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Chị T và anh D có đơn đề nghị vắng mặt nên áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng D sự Tòa án xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

2. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D tự nguyện kết hôn tại UBND xã Lộc Thành, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 25/12/2009; hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc gì nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Chị T và anh D xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân nhiều năm, cả hai đều đồng ý ly hôn. Điều này cho thấy hôn nhân của anh, chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 cần chấp nhận yêu cầu bà Minh, xử cho chị T và anh D được ly hôn với nhau.

[2.2] Về con chung: Việc giao con cho ai cần pH xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con. Xét thấy, quá trình ly thân cháu M sinh sống với anh D, cháu H sinh sống với chị T; cả anh D và chị T thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con. Để không làm xáo trộn nơi ở và môi trường sống, học tập của các con nên cần ghi nhận xử cho chị T được tiếp tục nuôi cháu H, anh D được tiếp tục nuôi cháu M đến khi đủ 18 tuổi, không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị T pH chịu án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng D sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” với anh Phạm Ngọc D, xử cho chị Phạm Thị T và anh Phạm Ngọc D được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Lê Thảo M, sinh ngày 28/3/2014 cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; giao cháu Phạm Tiến Trường H, sinh ngày 09/10/2020 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; không ai pH cấp dưỡng nuôi con.

“Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn cũng như việc thăm nom, chăm sóc con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.”

3. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị T pH nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0019474 ngày 26/6/2020 của Chi cục thi hành án D sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Chị T đã nộp xong).

4. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng ⁽²⁾
- VKS huyện Bảo Lâm;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Các Đương sự;
- CC.THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã Lộc Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Linh

HỘI THẨM NHÂN D

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tài

Lê Thị Sáu

Nguyễn Văn Linh

